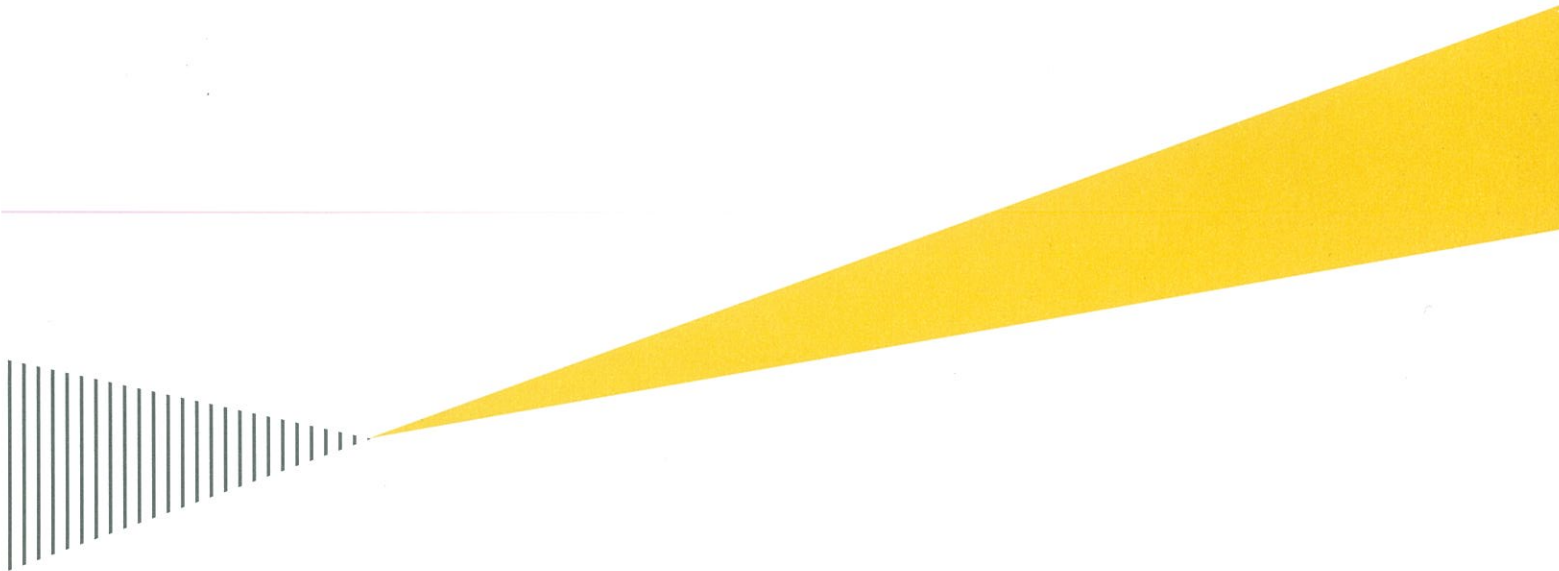


Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 42

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung và Tây Nguyên	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Đình Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Lý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Cao Duy Hà	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

11/10
CH
IN
v
T
/5/11

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 61201380/17835968

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 16 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 13 tháng 2 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		433.494.765.690	450.377.560.503
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	38.556.822.668	97.094.853.557
111	1. Tiền		38.556.822.668	77.094.853.557
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.439.993.900	2.386.660.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.944.000.000	3.944.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.504.006.100)	(1.557.339.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		204.891.001.707	134.463.843.958
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	179.809.862.800	101.691.025.673
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	8.011.792.100	12.562.321.890
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	2.000.000.000	3.413.953.964
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	15.129.934.807	19.481.260.406
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(60.588.000)	(2.684.717.975)
140	IV. Hàng tồn kho	10	183.181.178.794	214.617.801.926
141	1. Hàng tồn kho		186.462.054.288	217.611.677.436
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.280.875.494)	(2.993.875.510)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.425.768.621	1.814.400.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.310.791.621	1.807.000.362
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	7.400.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		114.977.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		768.586.983.005	495.532.097.653
220	I. Tài sản cố định		182.841.658.211	53.656.421.528
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	176.635.714.007	47.689.301.193
222	Nguyên giá		227.767.692.825	89.620.626.256
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(51.131.978.818)	(41.931.325.063)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	6.205.944.204	5.967.120.335
228	Nguyên giá		12.457.902.000	10.751.787.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.251.957.796)	(4.784.666.665)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.113.446.664	26.820.163.405
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.113.446.664	26.820.163.405
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	15	583.456.063.880	415.031.287.720
251	1. Đầu tư vào công ty con		570.122.423.880	37.033.188.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	369.700.019.720
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.333.640.000	8.298.080.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		175.814.250	24.225.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		175.814.250	24.225.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.202.081.748.695	945.909.658.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		373.664.933.111	194.433.334.591
310	I. Nợ ngắn hạn		315.776.695.911	194.433.334.591
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	89.139.194.784	89.104.414.964
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	30.291.844.036	17.338.581.655
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.463.101.126	2.191.691.929
314	4. Phải trả người lao động		38.757.894.900	31.090.139.221
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.089.290.086	530.643.428
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	11.409.474.242	12.588.566.452
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	20	116.887.898.460	24.044.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	23.737.998.277	17.545.296.942
330	II. Nợ dài hạn		57.888.237.200	-
338	1. Vay và nợ dài hạn	20	57.888.237.200	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		828.416.815.584	751.476.323.565
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	828.416.815.584	751.476.323.565
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		197.461.033.229	140.402.261.406
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		146.780.254.505	126.878.534.309
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.884.996.210	5.884.996.210
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		140.895.258.295	120.993.538.099
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.202.081.748.695	945.909.658.156

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	828.460.951.400	718.594.570.012
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	55.520.334.654	43.897.324.404
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	772.940.616.746	674.697.245.608
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	466.261.403.259	442.256.056.553
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		306.679.213.487	232.441.189.055
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	11.617.770.878	9.257.683.152
22	7. Chi phí tài chính	26	10.884.718.656	3.378.239.614
23	Trong đó: chi phí lãi vay		5.621.875.806	370.295.013
25	8. Chi phí bán hàng	27	72.242.916.269	55.609.056.185
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	75.344.241.334	59.888.097.018
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		159.825.108.106	122.823.479.390
31	11. Thu nhập khác	28	4.861.877.307	692.872.705
32	12. Chi phí khác	28	283.081.286	646.899.846
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]	28	4.578.796.021	45.972.859
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		164.403.904.127	122.869.452.249
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	7.900.267.832	1.535.914.150
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		156.503.636.295	121.333.538.099

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên



Ngày 16 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		673.272.901.292	686.329.505.552
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(453.982.061.664)	(473.071.730.780)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(73.359.379.052)	(58.783.874.774)
04	Tiền lãi vay đã trả		(5.828.472.943)	(352.262.013)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(6.178.568.842)	(1.156.030.911)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		37.772.722.404	35.531.717.516
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(69.365.423.042)	(75.800.940.397)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		102.331.718.153	112.696.384.193
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(93.947.589.080)	(32.639.404.864)
22	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(3.413.953.964)
23	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.413.953.964	236.749.895
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(195.496.173.838)	(380.150.138.110)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.625.744.262	8.894.238.432
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(250.404.064.692)	(407.072.508.611)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	329.231.825.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(20.000.000)	(102.270.000)
33	Tiền thu từ đi vay		302.560.372.960	174.034.393.833
34	Tiền trả nợ gốc vay		(151.828.237.300)	(149.990.393.833)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.173.378.000)	(15.029.268.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		89.538.757.660	338.144.287.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(58.533.588.879)	43.768.162.582
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		97.094.853.557	53.318.123.331
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.442.010)	8.567.644
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	38.556.822.668	97.094.853.557



Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung và Tây Nguyên	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 344 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 300 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An (*)	43%	70%	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

(*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) vào ngày 16 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. MUA CÔNG TY CON MỚI VÀ MUA THÊM CỔ PHẦN TẠI CÔNG TY CON HIỆN HỮU

4.1 Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

Trong năm 2015, Công ty đã mua thêm 21,49% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, và qua đó, làm tăng phần sở hữu của Công ty trong công ty này lên 61,49% vào ngày 15 tháng 4 năm 2015. Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này đã trở thành các công ty con của Công ty từ ngày này.

4.2 Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam, công ty con hiện hữu

Trong năm 2015, Công ty đã mua thêm 5,85% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam, và qua đó, làm tăng phần sở hữu của Công ty trong công ty này lên 90,02% vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.426.435.334	7.381.330.681
Tiền gửi ngân hàng	34.130.387.334	69.713.522.876
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>38.556.822.668</u>	<u>97.094.853.557</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm			
-	Tiền thu từ đi vay theo kế ược thông thường	302.560.372.960	174.034.393.833
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm			
-	Tiền trả nợ gốc vay theo kế ược thông thường	(151.828.237.300)	(149.990.393.833)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		<i>Đơn vị tính: VND</i>					
		<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>		
		<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Chứng khoán kinh doanh:							
-	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900	3.944.000.000	(1.557.339.300)	2.386.660.700
TỔNG CỘNG		3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900	3.944.000.000	(1.557.339.300)	2.386.660.700

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		178.484.079.209	99.947.126.148
	<i>Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>73.803.000.000</i>	<i>-</i>
	<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	<i>104.681.079.209</i>	<i>99.947.126.148</i>
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)		1.325.783.591	1.743.899.525
TỔNG CỘNG		179.809.862.800	101.691.025.673
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(60.588.000)	(2.684.717.975)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	236.984.000	8.516.597.470
<i>Công ty EuroAsiatic Machinery</i>	-	3.193.462.853
<i>Công ty TNHH Kirby Đông Nam Á</i>	-	2.500.524.000
<i>Công ty Everton Corporation</i>	-	1.972.710.617
<i>Trả trước nhà thầu xây dựng khác</i>	236.984.000	849.900.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	7.774.808.100	4.045.724.420
<i>Ông Trần Văn Thuận</i>	1.879.051.634	-
<i>Hợp tác xã Mỹ Đức</i>	1.270.242.902	998.319.689
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	4.625.513.564	3.047.404.731
TỔNG CỘNG	8.011.792.100	12.562.321.890

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Tạm ứng cho nhân viên	13.434.729.000	18.253.815.440
Phải thu khác	1.695.205.807	1.225.244.966
Ký cược, ký quỹ	-	2.200.000
TỔNG CỘNG	15.129.934.807	19.481.260.406

9. NỢ XẤU

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<i>Đối tượng nợ</i>				
Công ty TNHH Hải Anh (*)	-	-	2.624.129.975	-
Khách hàng khác	60.588.000	-	60.588.000	-
TỔNG CỘNG	60.588.000	-	2.684.717.975	-

(*) Đây là khoản nợ đã quá hạn trên 3 năm và được Công ty trích lập dự phòng cho 100% giá trị phải thu trong các năm tài chính trước. Khoản nợ phải thu khó đòi này đã được Công ty xóa nợ trong năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 139/NQ-HĐQT-CTG ngày 17 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	144.985.401.049	(3.280.875.494)	167.985.249.237	(2.993.875.510)
Hàng hóa	22.426.755.711	-	29.724.986.903	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	18.325.100.383	-	18.970.670.649	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	724.797.145	-	921.085.147	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.685.500	-
TỔNG CỘNG	<u>186.462.054.288</u>	<u>(3.280.875.494)</u>	<u>217.611.677.436</u>	<u>(2.993.875.510)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.993.875.510	1.197.382.793
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm (*)	3.108.329.522	1.927.128.051
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.821.329.538)	(130.635.334)
Số cuối năm	<u>3.280.875.494</u>	<u>2.993.875.510</u>

(*) Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản mục chi phí bao bì và tem nhãn sản phẩm chờ phân bổ.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	45.335.605.388	700.563.000	14.151.760.723	29.432.697.145	89.620.626.256
Mua trong năm	4.578.323.569	383.900.990	1.405.210.660	-	6.367.435.219
XDCB hoàn thành	77.776.335.334	-	-	54.003.296.016	131.779.631.350
Phân loại lại	-	161.678.800	-	(161.678.800)	-
Số cuối năm	127.690.264.291	1.246.142.790	15.556.971.383	83.274.314.361	227.767.692.825
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	6.464.223.603	514.245.000	2.121.361.598	6.920.964.975	16.020.795.176
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	16.200.436.775	572.459.195	6.504.445.615	18.653.983.478	41.931.325.063
Khấu hao trong năm	3.739.829.148	92.281.874	1.354.984.193	4.013.558.540	9.200.653.755
Số cuối năm	19.940.265.923	664.741.069	7.859.429.808	22.667.542.018	51.131.978.818
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	29.135.168.613	128.103.805	7.647.315.108	10.778.713.667	47.689.301.193
Số cuối năm	107.749.998.368	581.401.721	7.697.541.575	60.606.772.343	176.635.714.007

(*) Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2.

(**) Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với số tiền là 2.072.067.196 VND. Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư hình thành tài sản thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.395.787.000	71.000.000	8.285.000.000	10.751.787.000
Tăng trong năm	-	752.115.000	1.025.000.000	1.777.115.000
Giảm khác	-	(71.000.000)	-	(71.000.000)
Số cuối năm	<u>2.395.787.000</u>	<u>752.115.000</u>	<u>9.310.000.000</u>	<u>12.457.902.000</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	120.000.000	-	1.500.000.000	1.620.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	120.000.000	71.000.000	4.593.666.665	4.784.666.665
Hao mòn trong năm	-	14.624.458	1.523.666.673	1.538.291.131
Giảm khác	-	(71.000.000)	-	(71.000.000)
Số cuối năm	<u>120.000.000</u>	<u>14.624.458</u>	<u>6.117.333.338</u>	<u>6.251.957.796</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>2.275.787.000</u>	<u>-</u>	<u>3.691.333.335</u>	<u>5.967.120.335</u>
Số cuối năm	<u>2.275.787.000</u>	<u>737.490.542</u>	<u>3.192.666.662</u>	<u>6.205.944.204</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Đồng Văn	-	4.960.581.000
Dự án Kho dự trữ Quốc gia	-	3.466.687.000
Dự án Phương Mai - Nhà văn phòng	-	15.845.157.741
Công trình khác	-	434.291.000
TỔNG CỘNG	<u>2.113.446.664</u>	<u>26.820.163.405</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>				
	<i>Giá gốc (VND)</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Dư phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý (VND)</i>	<i>Giá gốc (VND)</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Dư phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý (VND)</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	532.690.635.880	9.219.130	-	525.490.410.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (*)	30.608.000.000	30.608	-	-	30.608.000.000	30.608	-	-
- Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	6.823.788.000	450.100	-	-	6.425.188.000	420.860	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	-	-	369.700.019.720	5.996.940	-	323.834.760.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (*)	13.333.640.000	99.938	-	-	8.298.080.000	62.126	-	-
TỔNG CỘNG	583.456.063.880				415.031.287.720			

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Trong năm 2015, Công ty đã mua thêm 37.812 cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình, và qua đó, làm tăng phần sở hữu của Công ty trong công này lên 10,03% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

15.1 Đầu tư vào các công ty con

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	90,02%	90,02%	84,17%	84,17%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	-	-

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con nêu trên được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 4.

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	40,00%	40,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả nhà thầu xây dựng	12.533.337.529	12.533.337.529	1.982.369.741	1.982.369.741
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH Giồng cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	41.701.362.241	41.701.362.241	47.018.337.704	47.018.337.704
- Công ty Giồng cây trồng Thịnh Du - Trung Quốc	10.652.610.112	10.652.610.112	14.153.658.760	14.153.658.760
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 19	9.543.663.000	9.543.663.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	14.703.574.902	14.703.574.902	25.314.033.091	25.314.033.091
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.647.000	4.647.000	636.015.668	636.015.668
TỔNG CỘNG	89.139.194.784	89.139.194.784	89.104.414.964	89.104.414.964

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước	30.291.844.036	17.338.581.655
TỔNG CỘNG	30.291.844.036	17.338.581.655

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	86.593.920	3.262.851.420	(3.027.330.634)	322.114.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	863.476.262	7.900.267.832	(6.178.568.842)	2.585.175.252
Thuế thu nhập cá nhân	1.087.315.718	7.753.903.644	(7.285.408.194)	1.555.811.168
Thuế khác	154.306.029	186.045.969	(340.351.998)	-
TỔNG CỘNG	2.191.691.929	19.103.068.865	(16.831.659.668)	4.463.101.126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay phải trả	237.075.566	-
Chi phí phải trả khác	852.214.520	530.643.428
TỔNG CỘNG	<u>1.089.290.086</u>	<u>530.643.428</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	2.847.000.000	5.063.862.886
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	984.550.275	984.550.275
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	992.877.512	1.743.116.389
Chi phí phải trả - Các Dự án lúa	2.748.814.790	1.133.401.230
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	61.668.228	10.583.708
Kinh phí công đoàn	95.876.300	14.720.200
Chi phí phải trả Cục dự trữ Quốc gia	-	434.672.830
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.378.690.387	903.662.184
TỔNG CỘNG	<u>11.409.474.242</u>	<u>12.588.566.452</u>
Nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn	116.887.898.460	116.887.898.460	244.672.135.760	(151.828.237.300)	24.044.000.000	24.044.000.000	24.044.000.000	
Vay ngắn hạn ngắn hạn	115.396.843.710	115.396.843.710	243.181.081.010	(151.828.237.300)	24.044.000.000	24.044.000.000	24.044.000.000	
Vay ngắn hạn dài hạn	1.491.054.750	1.491.054.750	1.491.054.750	-	-	-	-	
Vay dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	59.379.291.950	(1.491.054.750)	-	-	-	
Vay ngắn hạn dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	59.379.291.950	(1.491.054.750)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	174.776.135.660	174.776.135.660	304.051.427.710	(153.319.292.050)	24.044.000.000	24.044.000.000	24.044.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	52.447.047.600	Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016.	Không
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	51.887.110.000	Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2015. Thời gian cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Không
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hà Nội	11.062.686.110	Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào cuối kì hạn vay. Hợp đồng vay có hiệu lực 12 tháng kể từ tháng 4 năm 2015.	Không
TỔNG CỘNG	<u>115.396.843.710</u>		

20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	52.469.072.950	Hạn mức tín dụng là 77 tỷ đồng. Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Toàn bộ tài sản được hình thành của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan – Chi nhánh Hà Nội	6.910.219.000	Hạn mức tín dụng là 72 tỷ đồng. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 1 năm 2018. Gốc thanh toán 3 tháng/lần sau thời gian ân hạn 1 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 22 tháng 1 năm 2015. Lãi thanh toán theo kỳ hạn ba tháng trong năm thứ nhất kể từ ngày giải ngân đầu tiên, và được thanh toán hàng tháng kể từ năm thứ hai.	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
TỔNG CỘNG	<u>59.379.291.950</u>		
Trong đó:			
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750		
- Vay dài hạn	57.888.237.200		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	17.545.296.942	14.512.909.940
Cộng: Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 22.1</i>)	13.097.259.164	9.482.794.308
Trừ: Sử dụng trong năm	<u>(6.904.557.829)</u>	<u>(6.450.407.306)</u>
Số cuối năm	<u>23.737.998.277</u>	<u>17.545.296.942</u>

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn XDCB	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Trình bày lại)	100.298.380.000	54.797.592.850	-	89.769.343.829	85.678.195.516	262.128.000	330.805.640.195	
Phát hành cổ phiếu	52.651.620.000	276.447.935.000	-	-	-	-	329.099.555.000	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	121.333.538.099	-	121.333.538.099	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	102.270.000	-	-	-	102.270.000	
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(102.270.000)	-	-	-	(102.270.000)	
Trích lập quỹ	-	-	-	55.220.988.498	(55.220.988.498)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.482.794.308)	-	(9.482.794.308)	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(15.029.416.500)	-	(15.029.416.500)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(400.000.000)	-	(400.000.000)	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(4.588.070.921)	-	-	(4.588.070.921)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	(262.128.000)	(262.128.000)	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	-	140.402.261.406	126.878.534.309	-	751.476.323.565	

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	-	140.402.261.406	126.878.534.309	751.476.323.565	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	156.503.636.295	156.503.636.295	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)	
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	61.771.278.935	(61.771.278.935)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(13.097.259.164)	(13.097.259.164)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2014 (*)	-	-	-	-	(45.885.000.000)	(45.885.000.000)	
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 (**)	-	-	-	-	(15.288.378.000)	(15.288.378.000)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(560.000.000)	(560.000.000)	
Sử dụng quỹ (***)	-	-	-	(4.712.507.112)	-	(4.712.507.112)	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.461.033.229	146.780.254.505	828.416.815.584	

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 được thực hiện theo Nghị quyết số 118/NQ-ĐHCĐ2014 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015.

(**) Công ty đã tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 theo Quyết định số 136/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 16 tháng 11 năm 2015.

(***) Theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của chủ sở hữu	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (Công ty mẹ)	114.712.500.000	114.712.500.000	-	86.664.950.000	86.664.950.000	-
- Vốn góp của đối tượng khác	38.237.500.000	38.237.500.000	-	66.285.050.000	66.285.050.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	484.195.527.850	484.195.527.850	-	484.195.527.850	484.195.527.850	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	152.950.000.000	100.298.380.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	152.950.000.000	100.298.380.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	61.173.378.000	15.029.416.500
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 đồng/cổ phiếu	15.288.378.000	-
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 đồng/cổ phiếu	45.885.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013: 1.500 đồng/cổ phiếu	-	15.029.416.500
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	61.173.378.000	15.029.416.500
Cổ tức cho năm 2015	15.288.378.000	-
Cổ tức cho năm 2014	45.885.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013	-	15.029.416.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	6.622	20.000.000	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.288.378	152.930.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	1.431.386.527
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	75.523.190.000	79.216.000.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	19.160	21.901
- Nhân dân tệ (CNY)	100.997	89.068
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	2.892.931.475	-

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn mà Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2015 số 02 HĐMB/DTQG ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2015 ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Tổng doanh thu	828.460.951.400	718.594.570.012
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	827.631.853.961	718.430.115.564
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	829.097.439	164.454.448
Các khoản giảm trừ doanh thu:	55.520.334.654	43.897.324.404
<i>Chiết khấu thương mại</i>	15.737.473.722	11.116.383.354
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	39.782.860.932	32.780.941.050
DOANH THU THUẦN	772.940.616.746	674.697.245.608
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	760.765.459.960	663.937.522.655
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	12.175.156.786	10.759.722.953

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	838.949.986	3.913.244.900
Cổ tức được chia	9.766.693.222	4.982.229.800
Lãi từ thanh lý đầu tư ngắn hạn	-	20.338.265
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.012.127.670	341.870.187
TỔNG CỘNG	11.617.770.878	9.257.683.152

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	465.974.403.275	440.459.563.836
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	286.999.984	1.796.492.717
TỔNG CỘNG	466.261.403.259	442.256.056.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	5.621.875.806	370.295.013
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	819.769.440	927.342.326
	(53.333.200)	546.665.300
Chiết khấu thanh toán	4.496.406.610	1.533.936.975
TỔNG CỘNG	10.884.718.656	3.378.239.614

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng	72.242.916.269	55.609.056.185
Chi phí tiền lương	23.508.941.828	17.481.876.223
Chi phí vận chuyển	14.585.038.660	12.131.518.345
Chi phí khấu hao	7.792.744.185	8.223.746.318
Chi phí bán hàng khác	26.356.191.596	17.771.915.299
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	75.344.241.334	59.888.097.018
Chi phí tiền lương	55.139.650.178	41.804.878.278
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.204.591.156	18.083.218.740
TỔNG CỘNG	147.587.157.603	115.497.153.203

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	4.861.877.307	692.872.705
Thu nhập từ tiền bồi thường	4.489.361.886	28.009.091
Thu nhập khác	372.515.421	664.863.614
Chi phí khác	283.081.286	646.899.846
Chi phí khác	283.081.286	646.899.846
GIÁ TRỊ THUẦN	4.578.796.021	45.972.859

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	443.291.323.696	423.021.713.440
Chi phí nhân công	86.298.636.348	65.816.811.664
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.738.944.886	9.624.202.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.704.685.445	38.481.928.030
Chi phí khác	8.320.603.105	6.233.905.756
TỔNG CỘNG	583.354.193.480	543.178.561.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN (từ năm 2011);
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 22%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế TNDN hiện hành	8.581.035.852	1.535.914.150
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	<u>(680.768.020)</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.900.267.832</u>	<u>1.535.914.150</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.403.904.127	122.869.452.249
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(9.766.693.222)	(4.982.229.800)
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	448.681.286	6.040.331.800
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.442.010	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	155.090.334.201	123.927.554.249
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế ước tính từ hoạt động khoa học và công nghệ	150.228.456.894	113.651.399.860
Thu nhập tính thuế ước tính từ hoạt động khác	4.861.877.307	10.276.154.389
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	16.092.458.697	12.901.054.136
Thuế TNDN được miễn giảm	(7.511.422.845)	(11.365.139.986)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính sau miễn giảm và điều chỉnh	8.581.035.852	1.535.914.150
Thuế TNDN phải trả		
Thuế TNDN phải trả đầu năm	863.476.262	483.593.023
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(680.768.020)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.178.568.842)	(1.156.030.911)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.585.175.252	863.476.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	6.456.237.483	10.684.719.593
		Cổ tức được chia	520.336.000	459.120.000
		Mua hàng hóa	7.350.000	321.566.000
Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	2.089.939.520	75.003.360
		Mua hàng hóa	1.958.840.000	4.335.515.990
		Cho vay ngắn hạn	-	3.413.953.964
		Thu tiền cho vay ngắn hạn	1.413.953.964	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	27.657.390.000	-
		Mua hàng hóa	1.570.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	9.595.240	-
		Vay ngắn hạn	120.000.000.000	-
		Tắt toán khoản vay ngắn hạn	120.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	3.619.384.543	-
		Nhận ứng trước tiền hàng	790.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay ngắn hạn, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2014: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng hóa	951.405.757	1.743.899.525
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	374.377.834	-
			1.325.783.591	1.743.899.525
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	2.000.000.000	3.413.953.964
			2.000.000.000	3.413.953.964
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</i>				
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	4.647.000	636.015.668
			4.647.000	636.015.668

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất là 7,5%/năm và sẽ được hoàn trả dựa trên thời hạn được thông báo tại bất kỳ thời điểm nào bởi Công ty.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.195.600.000	3.065.955.757
	3.195.600.000	3.065.955.757

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 đối với báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

Khoản mục	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	
Bảng cân đối kế toán riêng				
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.944.000.000	(3.944.000.000)	-	-
Chứng khoán kinh doanh	-	3.944.000.000	3.944.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.119.344.966	18.361.915.440	19.481.260.406	-
Tài sản ngắn hạn khác	18.361.915.440	(18.361.915.440)	-	-
Đầu tư dài hạn khác	11.712.033.964	(11.712.033.964)	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.298.080.000	8.298.080.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.413.953.964	3.413.953.964	-
Quỹ dự phòng tài chính	17.703.420.031	(17.703.420.031)	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	122.698.841.375	17.703.420.031	140.402.261.406	-
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.469.128.791	(1.874.558.779)	718.594.570.012	-
Giảm trừ doanh thu	39.544.482.053	4.352.842.351	43.897.324.404	-
Giá vốn hàng bán	407.823.022.894	34.433.033.659	442.256.056.553	-
Chi phí bán hàng	96.269.490.974	(40.660.434.789)	55.609.056.185	-

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

